

Họ và tên thí sinh:.....Số báo danh:.....

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết Núi Cốc thuộc sông nào sau đây?

- A. Sông Thương. B. Sông Phó Đáy. C. Sông Cầu. D. Sông Công.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết tỉnh nào trồng nhiều cây ăn quả nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Hà Tĩnh. B. Thanh Hóa. C. Quảng Bình. D. Quảng Trị.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết hướng gió chính tại trạm khí tượng Hoàng Sa vào tháng 1 là hướng nào sau đây?

- A. Đông bắc. B. Đông nam. C. Tây. D. Đông.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Vùng Tây Nguyên, cho biết cảng biển Phan Thiết thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Ninh Thuận. B. Bình Định. C. Bình Thuận. D. Phú Yên.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nào sau đây có quy mô vừa?

- A. Hải Phòng. B. Đà Nẵng. C. Biên Hòa. D. Vũng Tàu.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết Mũi Ngọc thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Kiên Giang. B. Cà Mau. C. Quảng Ninh. D. Hà Giang.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có quy mô GDP lớn nhất Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Long Xuyên. B. Cần Thơ. C. Cà Mau. D. Mỹ Tho.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ và vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết nhà máy điện nào sau đây thuộc Quảng Ninh?

- A. Phả Lại. B. Uông Bí. C. Thác Bà. D. Na Dương.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết đường số 22 nối TP. Hồ Chí Minh với địa điểm nào sau đây?

- A. Đồng Xoài. B. Lộc Ninh. C. Gò Dầu. D. Bà Rịa.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết tỉnh nào có mật độ dân số thấp nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Nghệ An. B. Thanh Hóa. C. Quảng Bình. D. Hưng Yên.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào cao nhất trong các núi sau đây?

- A. Braian. B. Bà Đen. C. Bà Rá. D. Chứa Chan.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết các trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành điện tử?

- A. Cà Mau, Cần Thơ. B. Vũng Tàu, Đà Nẵng.
C. Hải Phòng, Biên Hòa. D. Nha Trang, Hạ Long.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường nào sau đây nối với cửa khẩu Na Mèo?

- A. Đường số 279. B. Đường số 12^B. C. Đường số 217. D. Đường số 7.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có trâu nhiều hơn bò?

- A. Thanh Hóa. B. Nghệ An. C. Lạng Sơn. D. Phú Thọ.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết vườn quốc gia nào sau đây thuộc vùng Tây Nguyên?

- A. Núi Chúa. B. Pù Mát. C. Chư Mom Ray. D. Bạch Mã.

Câu 56: Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc nên có

- A. nền nhiệt độ cao, nhiều nắng. B. vùng biển rộng với nhiều quần đảo.

- C. tài nguyên khoáng sản phong phú. D. nhiều đồi núi, có cả các dãy núi cao.
- Câu 57:** Biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất ở đồng bằng nước ta là
 A. trồng rừng, làm ruộng bậc thang. B. đào hồ vẫy cá, trồng cây theo băng.
 C. thâm canh, chống nhiễm mặn. D. làm ruộng bậc thang, thâm canh.
- Câu 58:** Lợi ích chủ yếu của việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển đảo ở nước ta là
 A. tăng cường giao lưu kinh tế giữa các huyện đảo. B. giải quyết nhiều việc làm cho người lao động.
 C. hạn chế các thiên tai phát sinh trên vùng biển. D. tạo hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường.
- Câu 59:** Sinh vật nước ta đa dạng do kết quả tác động của các nhân tố chủ yếu là
 A. khí hậu phân hoá, con người lai tạo giống, vị trí trung tâm Đông Nam Á.
 B. địa hình phần lớn đồi núi, vị trí giáp biển, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
 C. địa hình đa dạng, đất đai phong phú, biến đổi khí hậu, con người lai tạo.
 D. vị trí nơi gặp gỡ của các luồng di cư, địa hình, khí hậu, đất đai đa dạng.
- Câu 60:** Tác động tích cực của quá trình đô thị hóa ở nước ta là
 A. làm chuyển dịch cơ cấu ngành. B. gia tăng sức ép đến cơ sở hạ tầng.
 C. tỉ lệ thất nghiệp ngày càng tăng. D. ô nhiễm môi trường trầm trọng hơn.
- Câu 61:** Tỉ lệ lao động ở nông thôn nước ta hiện nay còn cao chủ yếu do
 A. trồng lúa cần nhiều lao động để sản xuất. B. cơ cấu kinh tế chuyển biến còn chậm.
 C. các ngành nghề truyền thống ít phát triển. D. ở đồng bằng có mật độ dân số rất lớn.
- Câu 62:** Để tránh mất nước ở các hồ chứa, Đông Nam Bộ cần
 A. bảo vệ rừng trên vùng thượng lưu. B. bảo vệ các khu dự trữ sinh quyển.
 C. hình thành thêm các vườn quốc gia. D. tăng cường trồng rừng ngập mặn.
- Câu 63:** Sản phẩm của ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta là
 A. giày, dép. B. bia, rượu.
 C. gỗ, giấy, xenlulô. D. giấy, in, văn phòng phẩm.
- Câu 64:** Ngập lụt ở đồng bằng sông Hồng là do
 A. mưa trái mùa gia tăng. B. lũ nguồn dồn về nhiều.
 C. không có hệ thống đê. D. dân cư ít kinh nghiệm.
- Câu 65:** Khu công nghiệp nước ta tập trung nhiều nhất ở vùng
 A. Đông Nam Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
 C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đồng bằng sông Hồng.
- Câu 66:** Cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta hiện nay đang chuyển dịch theo hướng
 A. tăng tỉ trọng các sản phẩm có chất lượng cao cấp.
 B. giảm số lượng các khu công nghiệp, khu chế xuất.
 C. hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa.
 D. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng ngành chăn nuôi.
- Câu 67:** Ngành lâm nghiệp của nước ta hiện nay
 A. đang đẩy mạnh trồng rừng và bảo vệ rừng. B. hoạt động lâm sinh chưa được chú trọng.
 C. tập trung chủ yếu ở ven các thành phố lớn. D. phân bố đồng đều, sản phẩm chưa đa dạng
- Câu 68:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến ở nước ta là
 A. tạo ra sản lượng lớn, đáp ứng thị trường. B. tăng giá trị nông sản, phát triển hàng hóa.
 C. thúc đẩy việc xuất khẩu, tạo ra việc làm. D. tăng chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.
- Câu 69:** Giao thông đường bộ nước ta hiện nay
 A. mạng lưới vẫn còn thưa thớt, phát triển chậm. B. chưa hội nhập vào khu vực và thế giới.
 C. chủ yếu phục vụ xuất khẩu hàng hóa quốc tế. D. khối lượng vận chuyển hàng hóa lớn nhất.
- Câu 70:** Cơ cấu kinh tế Bắc Trung Bộ hiện nay có sự chuyển dịch quan trọng chủ yếu do tác động của
 A. đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, khai thác thế mạnh, nâng cao dân trí.
 B. thu hút đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, phát huy các nguồn nhân lực.
 C. phát triển nền kinh tế mở, đào tạo nguồn nhân lực, mở rộng các đô thị.
 D. hội nhập toàn cầu sâu rộng, tăng trưởng kinh tế, đào tạo nguồn nhân lực.
- Câu 71:** Biện pháp chủ yếu ứng phó với biến đổi khí hậu trong nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là
 A. thay đổi cơ cấu sản xuất, sử dụng đất hợp lý. B. hoàn thiện quy hoạch, tăng cường thủy lợi.
 C. phân bố lại sản xuất, phát triển cây ăn quả. D. phát triển nuôi thủy sản, giảm diện tích lúa.
- Câu 72:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát huy thế mạnh về thủy điện ở Tây Nguyên là
 A. cung cấp nguồn điện giá rẻ và tạo ra nhiều việc làm.

- B. tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của vùng.
- C. cơ sở để xây dựng hệ thống hạ tầng hiện đại cho vùng.
- D. hạn chế tình trạng hạ thấp mực nước ngầm về mùa khô.

Câu 73: Ý nghĩa lớn nhất của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. tăng cường mối quan hệ với hai vùng kinh tế năng động của đất nước.
- B. thu hút thêm nguồn đầu tư, mở rộng vùng hậu phương cảng cho vùng.
- C. tăng cường khả năng cạnh tranh cho vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.
- D. tạo ra thế mở cửa hơn nữa cho vùng và cho sự phân công lao động mới.

Câu 74: Việc chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ gặp khó khăn, chủ yếu do

- A. thời tiết, khí hậu biến động thất thường, thiên tai xảy ra nhiều.
- B. diện tích đất canh tác hạn chế, chưa kiểm soát được sâu bệnh.
- C. sức mua của thị trường nội địa hạn chế, xuất khẩu chưa mạnh.
- D. thiếu lao động chất lượng, cơ sở vật chất kỹ thuật còn lạc hậu.

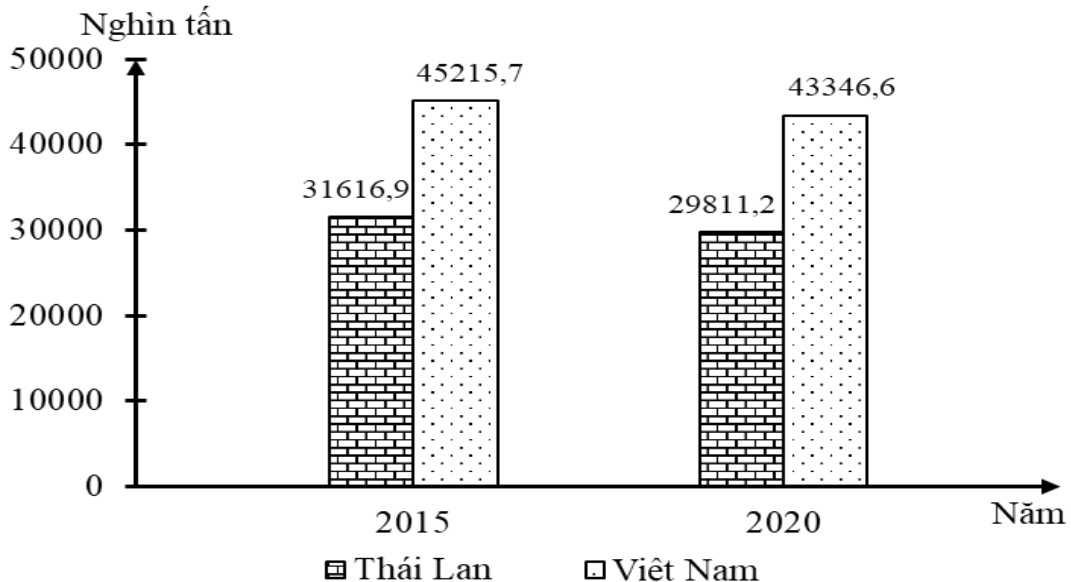
Câu 75: Ý nghĩa lớn nhất của hoạt động xuất khẩu đối với phát triển kinh tế - xã hội nước ta là

- A. giảm chênh lệch phát triển nông thôn với đô thị.
- B. nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.
- C. góp phần vào hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật.
- D. thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ.

Câu 76: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành trong khu vực I ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. giảm tỉ lệ thiếu việc làm cho lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống.
- B. đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất, tăng khối lượng hàng xuất khẩu.
- C. giải quyết việc làm cho người lao động, tạo khối lượng nông sản lớn.
- D. khai thác hiệu quả các thế mạnh, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường.

Câu 77: Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG LÚA CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM, NĂM 2015 VÀ 2020

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2021, <https://www.aseanstats.org>)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng lúa của Thái Lan và Việt Nam?

- A. Thái Lan luôn cao hơn Việt Nam.
- B. Thái Lan giảm chậm hơn Việt Nam.
- C. Việt Nam giảm ít hơn Thái Lan.
- D. Việt Nam giảm nhiều hơn Thái Lan.

Câu 78: Cho bảng số liệu:

TỔNG GDP CỦA MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG NAM Á, NĂM 2010 VÀ 2019

(Đơn vị: tỉ đô la Mỹ)

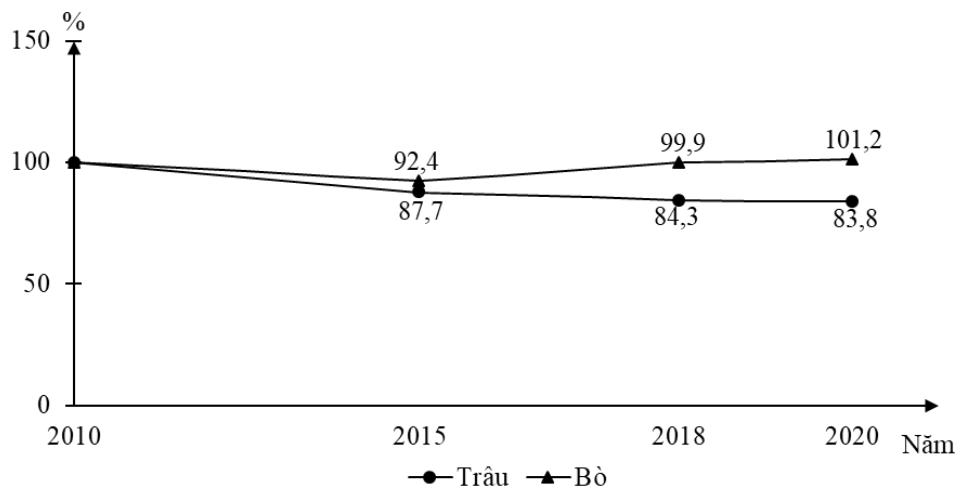
Quốc gia \ Năm	Xin-ga-po	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	Thái Lan
2010	236	255	200	341
2019	364	359	331	505

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết quốc gia có tốc độ tăng trưởng GDP năm 2019 so với 2010 nhanh nhất là

- A. In-đô-nê-xi-a.
- B. Phi-lip-pin.
- C. Ma-lai-xi-a.
- D. Thái Lan

Câu 79: Cho biểu đồ về số lượng trâu và bò của nước ta, giai đoạn 2010 - 2020



(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Tốc độ tăng trưởng số lượng trâu và bò.

B. Quy mô và cơ cấu số lượng trâu và bò.

C. Quy mô số lượng trâu và bò.

D. Sự thay đổi cơ cấu số lượng trâu và bò.

Câu 80: Cho bảng số liệu:

LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG PHÂN THEO NHÓM TUỔI Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

(Đơn vị: nghìn người)

Nhóm tuổi \ Năm	2010	2018	2019	2020
15 - 24 tuổi	9251,3	7065,6	7159,5	6061,51
25 - 49 tuổi	30988,8	33366,7	34308,3	34622,23
Trên 50 tuổi	10233,4	14955,7	14299,60	14159,20
Tổng số	50473,5	55388,0	55767,4	54842,94

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu lực lượng lao động phân theo nhóm tuổi ở nước ta giai đoạn 2010 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Tròn.

B. Cột.

C. Miền.

D. Đường.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

ĐÁP ÁN

41	D	51	A	61	B	71	A
42	B	52	C	62	A	72	B
43	A	53	C	63	B	73	D
44	C	54	C	64	B	74	C
45	B	55	C	65	A	75	D
46	C	56	A	66	C	76	D
47	B	57	C	67	A	77	D
48	B	58	D	68	B	78	B
49	C	59	D	69	D	79	A
50	C	60	A	70	B	80	C